

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 95/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Thanh B; sinh năm 1957; địa chỉ: số 13, đường 45, tổ 50, khu phố 5, phường B, quận 7, thành phố M

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Kiều Văn D; sinh năm 1987; địa chỉ: số 41 Tôn Thất Tùng, khối X, phường H, thành phố V, tỉnh A

- **Bị đơn:** Ông Phạm Hồng C; sinh năm 1958; địa chỉ: thôn Trường Tân, xã Qn, huyện L, tỉnh A

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Tuấn A; công tác tại: Văn phòng luật sư Lê Anh – Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trần Thị T; sinh năm 1949; địa chỉ: thôn Yên Thọ, xã Qn, huyện L, tỉnh A.

2. Bà Trần Thị H; sinh năm 1954; địa chỉ: thôn Thanh Đoài, xã Qn, huyện L, tỉnh A.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T, bà Trần Thị H: Bà Trần Thị Thanh B; sinh năm 1957; địa chỉ: số 13, đường 45, tổ 50, khu phố 5, phường B, quận 7, thành phố M

3. Bà Trần Thị L; sinh năm 1959; địa chỉ: thôn Trường Tân, xã Qn, huyện L, tỉnh A.

4. Ủy ban nhân dân xã Qn, huyện L, tỉnh A

Đại diện theo pháp luật của UBND xã Q: Ông Trần Văn T; chức vụ: Chủ tịch UBND xã Q.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Phạm Hồng C và bà Trần Thị L đồng ý bàn giao cho 04 chị em bà Trần Thị T, bà Trần Thị Thanh B, bà Trần Thị H, bà Trần Thị L một phần quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất tại thửa đất số 337, tờ bản đồ số 02 diện tích 365m² (Nay là thửa số 703, tờ bản đồ số 10 - bản đồ địa chính; tức là thửa đất số 45 - tờ bản đồ số 24 bản đồ số) thuộc thôn Trường Tân, xã Qn, huyện L, tỉnh A cụ thể gồm có: 01 ngôi nhà cấp 4 (nhà mái ngói) 4 gian; 01 nhà bếp 02 gian, sân trước nhà có tứ cận đo thực tế cụ thể như sau: (Có sơ đồ đo vẽ bằng máy kèm theo Quyết định này)

+ Phía Nam: từ điểm số 06 đến điểm số 7 có chiều dài là 24,4m (Hai mươi bốn phẩy bốn mét).

+ Phía Đông: từ điểm số 5 đến điểm số 6 có chiều dài là 17,04m (Mười bảy phẩy không bốn mét).

+ Phía Tây: từ điểm số 1 đến điểm số 7 có chiều dài là 13,65m (Mười ba phẩy sáu mươi lăm mét).

+ Phía Bắc: từ điểm số 01 đến điểm số 02 là 0,51m (Không phẩy năm mươi một mét), từ điểm số 02 đến điểm số 03 là 3,37m (Ba phẩy ba mươi bảy mét), từ điểm số 03 đến điểm số 04 là 8,04m (Tám phẩy không bốn mét), từ điểm số 04 đến điểm số 05 là 10,22m (Mười phẩy hai mươi hai mét).

Ông Phạm Hồng C và bà Trần Thị L đồng ý tháo dỡ chuồng bò trên thửa đất 337, tờ bản đồ số 2 tại thôn Trường Tân, xã Q, huyện L để giao lại mặt bằng đất đai cho bà Trần Thị Thanh B, bà Trần Thị H, bà Trần Thị L, bà Trần Thị T.

Bà Trần Thị Thanh B, bà Trần Thị T, bà Trần Thị H, bà Trần Thị L đồng ý giao diện tích phần diện tích đất còn lại của thửa đất 337 và toàn bộ diện tích tại các thửa đất số 338, 339 tờ bản đồ số 2 thuộc thôn Trường Tân, xã Qn, huyện L, tỉnh A cho vợ chồng ông Phạm Hồng C và bà Trần Thị L được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt (Nay là thửa 703, tờ bản đồ số 10, bản đồ địa chính; tức thửa 45, tờ bản đồ số 24 – bản đồ số).

Bà Trần Thị Thanh B, ông Phạm Hồng C, bà Trần Thị L, bà Trần Thị T, bà Trần Thị H thống nhất thỏa thuận là ông Phạm Hồng C chịu trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục tách thửa và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật (Chịu toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình làm thủ tục).

Nguyên đơn, bị đơn, bà Trần Thị L, bà Trần Thị T, bà Trần Thị H đều thống nhất thỏa thuận là: bà Trần Thị Thanh B chịu trách nhiệm thanh toán số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo vẽ thực tế là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng chẵn).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Minh